TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/12/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam

Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AGxét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 403/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thanh Th, sinh năm 1996

Địa chỉ: số 822/42 khóm B2, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh AG(có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huệ T, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 822/42 khóm B2, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh AG(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 03 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Thanh Th và ông Nguyễn Huệ T tự nguyện quen biết, tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/KH.2014 ngày 13/03/2014 do Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố LX, tỉnh AGcấp cho ông T và bà Th, chứng nhận ông bà là vợ chồng

đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T không quan T chăm sóc vợ con. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc lâu dài nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa bà Th và ông T có một con chung tên Nguyễn Bá C, sinh ngày 13/11/2014 (nam). Sau khi ly hôn, bà Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về quan hệ nợ chung, tài sản chung: Bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết về sau.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Huệ T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa :

Bà Phạm Thanh Th yêu cầu ly hôn với ông T, về con chung tên Nguyễn Bá C, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian sống ly thân nhiều năm, con chung được bà Th nuôi dưỡng tốt, có nơi ở và học tập ổn định, bản thân bà Th có việc làm và thu nhập đủ nuôi sống bản thân và chăm lo cho con chung. Về tài sản và nợ chung giữa các bên sẽ thỏa thuận giải quyết nếu ông T có tranh chấp. Ông T vắng mặt không có lý do, không đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông T vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa xét hôn nhân giữa bà Th và ông T tự quen biết, tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 13/3/2014 tại UBND phường BĐ, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên bà Th xin được ly hôn với ông T. Về quan hệ con chung, có một tên Nguyễn Bá C, sinh ngày 13/11/2014, bà Th trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về nợ chung, tài sản chung: Bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải nhưng bà Th vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn ông T không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th cho thấy ông T không có ý chí hàn gắn gia đình.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bá C, sinh ngày 13/11/2014) ngày 03/6/2021, hiện đang sống cùng với bà Th. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Cháu C trình bày hiện đang sống cùng mẹ và nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng muốn được chung sống cùng mẹ. Xét thấy, con chung đang sinh sống và có nguyện vọng sống cùng với bà Th, do đó để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao cháu C cho bà Th được chăm sóc, nuôi dưỡng quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Th và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang; bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T và ông T đang cư trú tại phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Th và ông T là "tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AGlà phù hợp quy định pháp luật

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Huệ T không đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Phạm Thanh Th và ông Nguyễn Huệ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BĐ, thành phố LX, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/KH.2014 ngày 13/3/2014, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà Th và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà Th xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông T không quan T chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà Th luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà Th và ông T mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà Th không còn tình cảm với ông T, không yêu thương, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông T. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Th được ly hôn với ông T.

[6] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Bá C, sinh ngày 13/11/2014 (nam). Hiện nay, con chung đang sống ổn định với bà Th, được bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, nguyện vọng của cháu C mong muốn sống chung với bà Th. Do đó, xét cần thiết phải giao con chung tên Nguyễn Bá C cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác (nếu có).

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Th yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Th nộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Ông T không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Huệ T.

Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Bá C, sinh ngày 13/11/2014 (nam). Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không yêu cầu. Bà Th phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thanh Th và ông Nguyễn Huệ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thanh Th nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002113 ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thanh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Huệ T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương